BIỂU I.1:

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

(Kèm theo Quyết định số: 2097/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 40/NQ-HĐND)					Điều chỉnh kế hoạch vốn						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:			Chưa phân bổ chi tiết	Giảm	Trong đó		Tăng, bổ sung	Trong đó		Tổng số	Trong đó:			Phân bổ chi tiết kỳ này	
				Nguồn vốn thuộc cấp huyện (trước sắp xếp) quản lý	Trong đó:				Giảm để bổ sung cho các dự án, nhiệm vụ khác	Giảm kế hoạch đầu tư công		Tăng từ các dự án, nhiệm vụ giảm	Bổ sung vào kế hoạch đầu tư công		Nguồn vốn thuộc cấp huyện (trước sắp xếp) quản lý	Trong đó:			
					Phân cấp cho cấp xã sau sắp xếp	Bố trí cho các dự án, nhiệm vụ (chuyển về cấp tỉnh)										Phân cấp cho cấp xã sau sắp xếp	Bố trí cho các dự án, nhiệm vụ (chuyển về cấp tỉnh)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A	**TỔNG SỐ**	**16.145.026**	**19.777.885**	**3.715.701**	**63.747**	**607.940**	**4.000**	**-**	**2.056**	**-**	**-**	**2.056**	**-**	**19.777.885**	**3.715.701**	**61.691**	**609.996**	**4.000**	
*	**Phân loại theo phân cấp**																		
1	**Nguồn vốn thuộc cấp tỉnh (trước sắp xếp) quản lý**		**16.062.184**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**16.058.175**	**-**	**-**	**-**	**-**	
2	**Nguồn vốn thuộc kế hoạch cấp huyện (trước sắp xếp) quản lý**		**3.715.701**	**3.715.701**	**63.747**	**607.940**	**4.000**	**-**	**2.056**	**-**	**-**	**2.056**	**-**	**3.719.710**	**3.715.701**	**61.691**	**609.996**	**4.000**	
B	**CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG (CHƯA BAO GỒM CTMTQG)**	**16.145.026**	**19.777.885**	**3.715.701**	**63.747**	**607.940**	**4.000**	**-**	**2.056**	**-**	**-**	**2.056**	**-**	**19.777.885**	**3.715.701**	**61.691**	**609.996**	**4.000**	
B.1	**Vốn ngân sách địa phương**	**6.659.700**	**10.355.677**	**3.715.701**	**63.747**	**607.940**	**4.000**	**-**	**2.056**	**-**	**-**	**2.056**	**-**	**10.355.677**	**3.715.701**	**61.691**	**609.996**	**4.000**	
1	***Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí***	***3.874.700***	***3.910.400***	***696.991***	***29.114***	***130.361***	***-***	***-***	***-***	***-***	***-***	***-***	***-***	***3.910.400***	***696.991***	***29.114***	***130.361***	***-***	
	Trong đó:																		
a	Phân bổ cho các dự án	-	2.190.707	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.190.707	-	-	-	-	
	- Dự án hoàn thành đến 31/12/2020		409.984											409.984					
	- Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025		756.104											756.104					
	Trong đó: Dự án Quy hoạch		37.072											37.072					
	- Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025		1.005.618	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.005.618	-	-	-	-	
	- Chuẩn bị đầu tư		19.000											19.000					
b	Hỗ trợ các Chương trình, dự án khác		992.094	125.991	22.850	17.150								992.094	*125.991*	*22.850*	*17.150*		
	Trong đó:																		
-	Hỗ trợ Đề án giao thông nông thôn giai đoạn 2021-2025		130.000	125.991	*22.850*	*17.150*								130.000	*125.991*	*22.850*	*17.150*		
c	Bội chi ngân sách địa phương/Bội thu ngân sách địa phương	24.100	59.800											59.800					
d	Trả nợ gốc, lãi vay		95.270											95.270					
đ	Phân cấp cho cấp huyện (điều chỉnh vào ngân sách địa phương sau sắp xếp)		571.000	571.000	*6.264*	*113.211*								571.000	*571.000*	*6.264*	*113.211*		
e	Dự phòng		1.529											1.529					

Số TT	Nội dung	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 40/NQ-HĐND)					Điều chỉnh kế hoạch vốn						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:			Chưa phân bổ chi tiết	Giảm	Trong đó		Tăng, bổ sung	Trong đó		Tổng số	Trong đó:			Phân bổ chi tiết kỳ này	
				Nguồn vốn thuộc cấp huyện (trước sắp xếp) quản lý	Trong đó:				Giảm để bổ sung cho các dự án, nhiệm vụ khác	Giảm kế hoạch đầu tư công		Tăng từ các dự án, nhiệm vụ giảm	Bổ sung vào kế hoạch đầu tư công		Nguồn vốn thuộc cấp huyện (trước sắp xếp) quản lý	Trong đó:			
					Phân cấp cho cấp xã sau sắp xếp	Bố trí cho các dự án, nhiệm vụ (chuyển về cấp tỉnh)										Phân cấp cho cấp xã sau sắp xếp	Bố trí cho các dự án, nhiệm vụ (chuyển về cấp tỉnh)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
2	***Đầu tư từ thu xổ số kiến thiết***	***55.000***	***67.000***	***-***	***-***	***-***	***-***	***-***	***-***	***-***	***-***	***-***	***-***	***67.000***	***-***	***-***	***-***	***-***	
3	***Đầu tư từ thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu (thu phí bến bãi các phương tiện vận tải)***	***-***	***150.000***											***150.000***					
4	***Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất***	***2.730.000***	***5.341.828***	***2.777.768***	***25.195***	***322.145***	***4.000***	***-***	***2.056***	***-***	***-***	***2.056***	***-***	***5.341.828***	***2.777.768***	***23.139***	***324.201***	***4.000***	
a	Phân bổ cho các dự án		1.063.257											1.063.257					
b	Phân cấp cho cấp huyện (điều chỉnh vào ngân sách địa phương sau sắp xếp)		2.777.768	2.777.768	*25.195*	*322.145*	*4.000*		*2.056*			*2.056*		2.777.768	*2.777.768*	*23.139*	*324.201*	*4.000*	*Chi tiết tại biểu III.3, III.4, III.5*
c	Quỹ phát triển đất		269.142											269.142					
d	Hỗ trợ các Chương trình, dự án khác		1.231.025											1.231.025					
đ	Dự phòng		636											636					
5	**Vốn đầu tư bổ sung từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi bổ sung vào đầu tư công (cấp tỉnh)**		**645.507**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**645.507**	-	-	-	-	
6	**Vốn đầu tư bổ sung từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi bổ sung vào đầu tư công của cấp huyện quản lý**		**240.942**	240.942	*9.437*	*155.433*								**240.942**	*240.942*	*9.437*	*155.433*		
B.2	**Vốn ngân sách Trung ương**	**9.485.326**	**9.422.208**											**9.422.208**					
I	**Vốn trong nước**	**7.856.020**	**7.856.020**											**7.856.020**					
1	**Các chương trình MTQG**		-											-					
2	**Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực, chương trình mục tiêu**	**7.856.020**	**7.856.020**											**7.856.020**					
	Trong đó:		-											-					
1	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực, chương trình mục tiêu	4.356.020	4.356.020											4.356.020					
2	Dự án có tính chất lan tỏa (Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững): 01 dự án	3.500.000	3.500.000											3.500.000					
II	**Vốn nước ngoài (ODA)**	**1.629.306**	**1.566.188**											**1.566.188**					